

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÚI THÀNH
TỈNH QUẢNG NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 136/2019/HNGĐ-ST

Ngày 28-8-2019

Về việc: “*Xin ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH QUẢNG NAM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đình Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tấn Hương.

Ông Dương Minh Ngọc.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mùi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Việt Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 57/2019/TLST-HNGĐ ngày 03-4-2019, về: “*Xin ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu Ng, sinh năm: 1996; Có mặt.

- Bị đơn: Ông Mai T, sinh năm: 1994; có mặt.

Cùng trú tại: thôn Phú Tr, xã Tam X, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị Thu Ng là ông Nguyễn Tiên D, sinh năm: 1991, trú tại: khối 4 thị trấn Núi Th, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu Ng trình bày: Tôi (Nguyễn Thị Thu Ng) và ông Mai T tự nguyện tìm hiểu đến với nhau thành vợ chồng cưới nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2017 tại UBND xã Tam X, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. Sau khi cưới vợ chồng sống không hạnh phúc, thường xuyên mâu thuẫn,

nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, ông T ghen tuông vô cớ. Từ tháng 2/2019 hai vợ chồng không còn sống chung với nhau, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng đã hết nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: có 01 cháu Mai Nguyễn Tường V, sinh ngày: 18/10/2017. Nếu ly hôn tôi yêu cầu được nuôi cháu V, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: không có.

Nợ chung: không có.

Cho mượn nợ: không có.

- Bị đơn ông Mai T trình bày: Tôi (Mai T) và bà Nguyễn Thị Thu N có đăng ký kết hôn vào năm 2017 tại UBND xã Tam X, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. Vợ chồng sống hạnh phúc thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn như bà Nguyễn trình bày. Nay bà Nguyễn xin ly hôn thì ông Tường thống nhất đồng ý ly hôn.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: có 01 cháu Mai Nguyễn Tường V, sinh ngày: 18/10/2017. Nếu ly hôn tôi yêu cầu được nuôi cháu V, không yêu cầu bà Ng cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: không có.

Nợ chung: không có.

Cho mượn nợ: không có.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà, của nguyên đơn và bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa là đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thu Ng và ông Mai T là hợp pháp. Sau khi cưới vợ chồng sống không hạnh phúc, thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, ông T ghen tuông vô cớ. Từ tháng 2/2019 hai vợ chồng không còn sống chung với nhau, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Tại phiên tòa, ông T đồng ý ly hôn với bà Ng. Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn cho bà Ng và ông T.

Về con chung có 01 cháu Mai Nguyễn Tường V, sinh ngày: 18/10/2017. Cháu V còn nhỏ và sau khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bà N là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vi. Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu V cho bà Ng trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: bà Ng không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập xử lý.

Về tài sản chung, nợ chung, cho mượn nợ: không có nên không đề cập xử lý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Thu Ng có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Mai T, có địa chỉ nơi cư trú tại: thôn Phú Tr, xã Tam X, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. Vì vậy yêu cầu tại đơn khởi kiện của bà Ng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật có tranh chấp: Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật có tranh chấp phải giải quyết là: “Xin ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn”.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu Ng và ông Mai T tự nguyện tìm hiểu đến với nhau thành vợ chồng cưới nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2017 tại UBND xã Tam X, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. Như vậy, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Trong quá trình chung sống thì giữa bà Ng và ông T phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân được hai bên đương sự thừa nhận là do bất đồng quan điểm sống, ông T ghen tuông vô cớ, hai vợ chồng không còn sống chung với nhau, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay tình cảm vợ chồng đã hết nên bà Ng xin ly hôn với ông T và ông T cũng thống nhất đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Ng và ông T đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên công nhận sự thuận tình ly hôn cho bà Ng và ông T là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Bà Ng và ông T có 01 cháu Mai Nguyễn Tường V, sinh ngày: 18/10/2017. Hội đồng xét xử xét thấy bà Ng và ông T đều yêu cầu được nuôi cháu V, không bên nào yêu cầu cấp dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy cháu V là con gái và còn nhỏ cần bàn tay chăm sóc của người mẹ. Để đảm bảo sự phát triển ổn định bình thường về vật chất lẫn tinh thần cho cháu V. Hơn nữa, từ khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, không sống chung với nhau thì bà Ng là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V. Do vậy, để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt và sự phát triển bình thường, ổn định của cháu, cần giao cháu V cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng là đúng với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Ng không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ: Bà Ng và ông T đều khai nhận không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu Ng phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 55, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu Ng về: “*Xin ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn*” đối với bị đơn ông Mai T.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Thu Ng với ông Mai T.

[2] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cháu Mai Nguyễn Tường V, sinh ngày: 18/10/2017 cho bà Nguyễn Thị Thu Ng trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi trưởng thành. Ông Mai T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chưa thành niên, một hoặc cả hai bên (bà Nguyễn Thị Thu Ng, ông Mai T) có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng bà Nguyễn Thị Thu Ng phải chịu được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà Nguyễn Thị Thu Ng đã nộp tại Chi cục thi hành án Núi Thành theo biên lai thu số 0004184 ngày 03/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Núi thành.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Núi Thành;
- Chi cục THADS h.Núi Thành;
- UBND xã Tam Xuân I;
- Lưu hồ sơ, án văn.

(ĐÃ KÝ)

Bùi Đình Dũng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Văn Xô

